

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

**TS. LÊ QUỐC HỘI, TS. NGUYỄN NGỌC SƠN
TS. TRẦN THỊ THANH TÚ & ThS. NGUYỄN THỊ MINH HUỆ**

Bài viết này đánh giá tác động của sự thay đổi trong chính sách tiền tệ từ năm 2008 - đầu năm 2009 đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp VN. Bài viết được tiến hành dựa trên kết quả điều tra và phỏng vấn sâu của Diễn đàn phát triển VN (VDF) ở 20 ngân hàng thương mại và 196 doanh nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở của kết quả phân tích, bài viết đánh giá những chính sách của chính phủ được thực hiện gần đây và đưa ra một số khuyến nghị.

1. Diễn biến chính sách tiền tệ trong giai đoạn 2008 - đầu năm 2009

Năm 2008 là một năm có nhiều biến động kinh tế vĩ mô đối với VN. Trong 6 tháng đầu năm, chỉ số lạm phát tăng cao và hậu quả của sự tăng trưởng tín dụng quá nóng của năm 2007 buộc Chính phủ phải tiến hành thực thi khẩn cấp chính sách tiền tệ thắt chặt. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có những biện pháp thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát như nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, mua tín phiếu bắt buộc của NHNN, khống chế tỷ lệ cho vay đầu tư chứng khoán, khống chế tăng trưởng tín dụng ở mức 30%, đặc biệt NHNN đã 3 lần liên tiếp tăng lãi suất cơ bản từ 8,75% lên 12% và 14% trong những tháng đầu năm 2008. Việc qui định lãi suất cơ bản là 14%/năm được coi là tín hiệu tốt để hút tiền từ lưu thông về và hạn chế tăng trưởng tín dụng nóng trong nửa đầu năm 2008.

Tuy nhiên, đến những tháng cuối năm 2008 và đầu năm 2009, việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN đã diễn ra theo chiều hướng ngược lại khi những dấu hiệu của suy thoái kinh tế bắt đầu xuất hiện do những ảnh hưởng của cuộc khủng

hoảng tài chính lan ra toàn cầu. Chỉ trong khoảng thời gian hơn 2 tháng, NHNN đã có 4 quyết định theo hướng nới lỏng chính sách tiền tệ. Theo đó, các loại lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được điều chỉnh giảm mạnh. Riêng lãi suất cơ bản từ mức 12%/năm đầu tháng 11 năm 2008 đến đầu tháng 2 năm 2009 đã giảm xuống còn 7%/năm, giảm mạnh so với mức đỉnh vào 14%/năm thời điểm tháng 6 năm 2008. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cũng giảm từ trên 10%/năm xuống còn 5%. Sau Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP, ngày 11/12/2008 của Chính phủ, thì lãi suất cơ bản giảm xuống 7%/năm, lãi suất tái cấp vốn giảm xuống còn 8%/năm và lãi suất tái chiết khấu giảm còn 6%/năm. Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán bù trừ giảm xuống còn 8%/năm. Lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN giảm từ 8,5%/năm xuống còn 3,6%/năm.

Như vậy, cả năm 2008 và những tháng đầu năm 2009 là khoảng thời gian có những biến động trái chiều đối với hoạt động ngân hàng. NHNN phải linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ, chuyển từ chính sách tiền tệ thắt chặt sang chính sách tiền tệ nới lỏng chỉ trong một thời gian quá ngắn. Sự điều chỉnh chính sách tiền tệ diễn ra quá nhanh đã gây ra một số tác động tiêu cực trước tiên là cho hoạt động ngân hàng, sau đó là đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

2. Tác động của chính sách tiền tệ đến hoạt động của NHTM

Tác động đến huy động vốn của NHTM

Trong giai đoạn chính sách tiền tệ thắt chặt, hoạt động huy động vốn của các NHTM chịu sự tác động rõ rệt nhất. Tại thời điểm căng thẳng nhất, khoảng tháng 3- 4/2008, hoạt động huy động vốn của các NHTM không phải để phục vụ việc giải ngân, cho vay các dự án mà chủ yếu để đảm bảo tính thanh khoản cho chính các NHTM. Việc NHNN yêu cầu mua tín phiếu bắt buộc càng làm

cho lượng tiền mặt của các NHTM thêm khan hiếm. Đã xảy ra hiện tượng tiền gửi từ NHTM này chảy sang NHTM khác do chênh lệch lãi suất. Chỉ cần lãi suất thời điểm của các NHTM chênh lệch 0,2% - 0,5%/năm, là người gửi tiền sẵn sàng rút tiền từ NHTM này để sang gửi ở NHTM khác. Do vậy, các NHTM phải chống đỡ với việc tiền bị rút ra bằng cách tăng lãi suất. Thậm chí lãi suất thực cao hơn rất nhiều so với lãi suất danh nghĩa do các hình thức dự thưởng, khuyến mại, xổ số, hay trả lãi trước. Điều này dẫn đến chi phí huy động của các NHTM tăng lên rất cao. Ví dụ như SeABank đã có thời điểm huy động với "siêu lãi suất" 21,2%/năm hay có NHTM huy động lãi suất tuần lên đến hơn 12%/năm. Một thực tế có thể thấy trong thời kỳ này là các NHTM tìm mọi cách để huy động được tiền, NHTM nọ cạnh tranh với NHTM kia, làm cho "cuộc chiến lãi suất" tưởng chừng không có khả năng chấm dứt.

Từ cuối năm 2008 cho đến 2 tháng đầu năm 2009, chính sách tiền tệ của NHNN đã được nói lỏng rất nhanh nhằm đối phó với các nguy cơ suy giảm kinh tế đang đến gần. Các NHTM đã phải đột ngột chuyển trạng thái từ chạy đua lãi suất huy động, với mức lãi suất cho vay ra ở mức rất cao, sang giảm liên tục các mức lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay đến nay đã giảm thấp hơn các mức trước khi thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt. Không những vậy, đây là mức lãi suất thấp nhất trong hoạt động ngân hàng trong hàng chục năm qua ở nước ta. Lãi suất huy động vốn đồng VN của các NHTM giảm xuống còn 7 - 8%/năm; huy động vốn USD còn 4 - 4,5%/năm.

Trong giai đoạn nói lỏng, bên cạnh việc giảm các mức lãi suất của thị trường, nội dung nói lỏng còn được thể hiện ở gói hỗ trợ lãi suất 4% của Chính phủ đối với các doanh nghiệp vay vốn ngân hàng. Động thái của các ngân hàng đối với gói hỗ trợ này của Chính phủ có nhiều chiều hướng khác nhau. Với các NHTM lớn, đặc biệt là NHTMNN, thì sự hỗ trợ được thể hiện rõ thông qua việc tích cực triển khai gói hỗ trợ bằng các hoạt động tổ chức hội nghị khách hàng, gửi thông báo cho các khách hàng, đăng ký vốn giải ngân với NHNN. Tuy nhiên, các NHTM nhỏ còn tỏ ra e dè với gói hỗ trợ này. Các NHTM này cho hay họ còn nhiều vướng mắc trong việc tiến hành gói hỗ trợ liên quan đến đối tượng được hưởng hỗ trợ, kiểm soát việc sử dụng vốn sau giải ngân, cũng như những

rủi ro về lãi suất đối với ngân hàng trong trường hợp ngân hàng không kiểm soát được mục đích sử dụng vốn của khách hàng vay vốn.

Tác động đến tính thanh khoản của NHTM

Việc tăng dự trữ bắt buộc và mua tín phiếu NHNN đã làm giảm lượng tiền trong lưu thông, từ đó tác động trực tiếp đến khả năng tạo tiền của các NHTM. Khởi đầu là các NHTM nhỏ và các NHTMCP mới thành lập, khi càng đến gần thời điểm mua tín phiếu bắt buộc của NHNN (tháng 3/2008), thì các NHTM càng ráo riết gom tiền trong lưu thông. Động thái tăng lãi suất cũng được khơi mào từ chính các NHTM này. Từ đó, các NHTMNN và các NHTMCP lớn cũng phải tăng lãi suất theo để giữ chân khách hàng, mặc dù trạng thái tiền mặt của họ có thể vẫn đủ để đáp ứng nhu cầu mua tín phiếu bắt buộc. Có đến 70% các NHTM được hỏi trong điều tra trả lời họ rơi vào tình trạng khan hiếm trong thời kỳ đó, còn lại 30% trả lời là tạm đủ, không có NHTM nào dư thừa vốn hay rơi vào tình trạng rất khan hiếm. Có thể nói, chưa bao giờ hệ thống NHTM VN lại rơi vào tình trạng dễ bị tổn thương như thời điểm này. Việc chạy theo mục đích duy trì thanh khoản đã khiến cho nhiều NHTM mất đi những cơ hội kinh doanh tốt.

Tình trạng khan hiếm tiền mặt trên của các NHTM đã được giảm bớt khi NHNN bắt đầu thực hiện những biện pháp nói lỏng. Lúc này, không còn NHTM nào khan hiếm nữa, mà bắt đầu chuyển sang trạng thái dư thừa. Nhưng đây chưa chắc đã là tình trạng tốt cho các NHTM. Nguồn vốn huy động với mọi kỳ hạn với mọi mức lãi suất ưu đãi trước đây chỉ để thỏa mãn nhu cầu rút tiền là chính, chứ không phải căn cứ vào nhu cầu vay vốn. Do vậy, các NHTM không sớm thì muộn sẽ rơi vào tình trạng ứ đọng vốn, không cho vay được, mà vẫn phải trả lãi cao cho các nguồn tiền đã huy động trước đây. Và trong bối cảnh nền kinh tế suy giảm như hiện nay, việc giải ngân vốn vay lại càng trở nên khó khăn, vấn đề ở đây là NHTM không thiếu vốn mà là doanh nghiệp thiếu dự án khả thi.

Tác động đến hoạt động tín dụng của NHTM

Một trong những tác động rõ nét và cũng là mục tiêu của chính sách tiền tệ thắt chặt là giảm bớt sự tăng trưởng tín dụng của các NHTM. Do vậy, có thể thấy, trong giai đoạn này các NHTM

đều theo đuổi chính sách tín dụng thắt chặt. Có đến 72% các NHTM được hỏi trong giai đoạn này đều thực hiện chính sách tín dụng thắt chặt hoặc thắt chặt mạnh, chỉ có 28% các NHTM là không thay đổi chính sách tín dụng. Cũng theo điều tra, dư nợ tín dụng trong giai đoạn này hầu hết ở các NHTM đều rơi vào tình trạng không tăng, hoặc giảm, chiếm đến 67% các NHTM được hỏi. Một tác động quan trọng nữa của chính sách tiền tệ là làm cho chất lượng tín dụng được cải thiện rõ rệt. Trong khi dư nợ ngắn hạn và trung dài hạn đều tăng lên do NHNN thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM có xu hướng giảm dần so với năm 2007, trong đó, tỷ lệ nợ xấu trung dài hạn giảm mạnh nhất. Thực tế, về phía ngân hàng, trong khi vẫn mở rộng cho vay để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp thì phải tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát vốn vay để giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng.

Chuyển sang giai đoạn chính sách tiền tệ nới lỏng, theo kết quả điều tra, các doanh nghiệp đều khẳng định hiện nay không có khó khăn vướng mắc gì trong quan hệ tín dụng đối với NHTM. Nếu đủ điều kiện thì việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp dễ dàng và NHTM luôn tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Vấn đề các doanh nghiệp đặt ra là mong muốn các NHTM điều chỉnh giảm lãi suất các hợp đồng vay vốn trước đây với lãi suất cao (20-21%/năm) chưa đến hạn điều chỉnh. Tuy nhiên, đứng trên góc độ của các NHTM, trần lãi suất ngày càng hạ thấp dẫn đến chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay của NHTM ngày càng thu hẹp do chi phí đầu vào vẫn ở mức cao vì còn ảnh hưởng từ các đợt huy động với lãi suất cao trước đây.

Tác động đến khả năng sinh lời của các NHTM

Chính sách tiền tệ thắt chặt của NHNN như một liều thuốc kháng sinh mạnh, làm dứt cơn sốt lạm phát một cách rất hiệu quả, nhưng kèm theo đây là những tác động bất lợi, mà ngay lập tức hệ thống NHTM phải hứng chịu. Hầu hết kết quả hoạt động cho vay của các NHTM bị sụt giảm so với năm 2007. Điều này có thể được giải thích một cách dễ hiểu là do hầu hết các NHTM VN hiện vẫn chủ yếu kiếm lợi nhuận từ hoạt động tín dụng, hoạt động này chiếm từ 70%-90% tổng lợi nhuận. Do vậy, khi hoạt động tín dụng bị thắt chặt, chi phí đầu vào tăng, tất yếu lợi nhuận của NHTM bị ảnh hưởng, trừ một số NHTM có thể mạnh về

dịch vụ như kinh doanh trên sàn giao dịch vàng như ACB hay Sacombank hoặc các NHTM có nguồn tiền dồi dào cho vay lại trên thị trường liên ngân hàng trong giai đoạn chính sách tiền tệ thắt chặt. Hơn nữa, do tác động của việc cắt giảm tốc độ tăng trưởng dư nợ, một loạt NHTM đã phát sinh những khoản dự phòng rủi ro tín dụng do các khoản cho vay đầu tư chứng khoán hay cho vay đầu tư bất động sản, đến thời điểm tháng 2/2009, hầu hết các khoản dự phòng này chưa được kiểm toán, do vậy, chưa chắc số liệu về lợi nhuận do các NHTM công bố đã bóc tách khoản dự phòng này ra khỏi lợi nhuận của NHTM.

Đến nay, khi chính sách tiền tệ chuyển sang giai đoạn nới lỏng, hàng loạt ngân hàng đang “khóc dở, mếu dở” vì các sổ tiết kiệm có kỳ hạn 1 năm hay nhiều hơn vẫn phải trả lãi của giai đoạn “đua lãi suất”, trong khi lãi suất huy động hiện chỉ bằng một nửa. Có ngân hàng còn “ép” khách hàng đến lĩnh sổ trước hạn nhằm giảm lãi phải trả, gây bất bình cho khách hàng. Hoặc có khách hàng đã vay nóng trên thị trường tín dụng đen, đem đáo nợ ngân hàng trước hạn, để trả món nợ với lãi suất cao, rồi vay lại với lãi suất thấp hơn, làm cho lợi nhuận của các NHTM cũng bị ảnh hưởng do nguồn vốn cho vay vẫn phải trả với lãi suất cao.

3. Tác động của chính sách tiền tệ đến doanh nghiệp

Tác động đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng

Vốn luôn là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp trong việc mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh, do đó khả năng tiếp cận vốn có ý nghĩa sống còn đối với doanh nghiệp. Giai đoạn thắt chặt tiền tệ là giai đoạn khó khăn nhất đối với các doanh nghiệp trong việc vay vốn. Kết quả điều tra cho thấy 63,1% doanh nghiệp cho rằng khó và rất khó trong việc tiếp cận vốn trong giai đoạn này. Các ngân hàng quá chú trọng đến mức độ an toàn và tuân thủ các yêu cầu từ Chính phủ nên thủ tục vay vốn là hết sức thiếu minh bạch và rất phức tạp đối với doanh nghiệp. Phải thừa nhận một thực tế là, từ bài học của cuộc khủng hoảng tín dụng cho vay dưới chuẩn mua nhà ở tại Mỹ đã dẫn đến khủng hoảng tài chính toàn cầu, nên các NHTM ở VN cũng không dám cho vay dưới chuẩn, không coi nhẹ bất kỳ điều kiện vay vốn nào. Thậm chí là trong bối cảnh

có nhiều tiềm ẩn rủi ro tín dụng, nhiều NHTM thẩm định chặt chẽ hơn, xem xét kỹ lưỡng báo cáo tài chính, đặc biệt là báo cáo chu chuyển tiền tệ, lịch sử thanh toán, khả năng tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ, thu nhập tương lai.

Tuy số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận vốn đã giảm mạnh từ giai đoạn thắt chặt sang giai đoạn nới lỏng, vẫn còn đến 20,8% doanh nghiệp khó khăn trong tiếp cận vốn trong giai đoạn chính sách tiền tệ thực sự được nới lỏng. Kết quả điều tra cũng cho thấy, những nhân tố chính tác động đến khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp là lãi suất, điều kiện cho vay, thủ tục, điều kiện về thời hạn cho vay, tuy nhiên mức độ tác động của các nhân tố này có sự khác nhau và thay đổi qua các giai đoạn. Trong giai đoạn thắt chặt tiền tệ, lãi suất là yếu tố khó khăn nhất đối với doanh nghiệp, tiếp đến là điều kiện thế chấp và thủ tục. Thực tế, lãi suất cao luôn là nguy cơ đối với các doanh nghiệp. Lãi suất trung bình thấp nhất mà các doanh nghiệp tiếp cận được là 15,65% và cao nhất là 20,35%. Giai đoạn nới lỏng tiền tệ, lãi suất đã giảm mạnh, lãi suất trung bình mà các doanh nghiệp đi vay trong giai đoạn này là 12,55% và thấp nhất 10,89%. Trong giai đoạn này điều kiện thế chấp đã được các doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Có một thực tế nữa gây khó khăn cho các doanh nghiệp là khi lãi suất tăng mạnh các ngân hàng ngay lập tức đề nghị doanh nghiệp tăng lãi suất đối với các khoản đã vay với lãi suất thấp trước đây của doanh nghiệp. Nhưng khi lãi suất đã giảm mạnh trong giai đoạn nới lỏng các ngân hàng lại không muốn hạ lãi suất với các khoản vay với lãi suất cao trong thời kỳ thắt chặt. Nhìn chung doanh nghiệp vẫn là đối tượng chịu thiệt thòi nhất.

Những khó khăn về tiếp cận vốn trong giai đoạn thắt chặt đã dẫn đến khó khăn hoạt động trong sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp trong các giai đoạn sau và kết quả là kéo theo tình trạng sa thải lao động tăng. Theo kết quả điều tra, tỷ lệ doanh nghiệp có số lượng lao động bị sa thải tăng dần, ở trong giai đoạn nới lỏng tiền tệ là 33,2%, cao hơn nhiều so với thời kỳ thắt chặt, chỉ 24%.

Tác động đến khả năng sinh lời

Xét trên góc độ doanh nghiệp, chi phí lãi vay là một trong những chi phí tài chính đáng kể của doanh nghiệp, tỷ lệ thuận với lãi suất cho vay của các NHTM. Trong điều kiện nền kinh tế có nhiều

biến động vừa qua, rõ ràng, lãi suất thị trường là yếu tố quan trọng đẩy chi phí vay vốn của các doanh nghiệp lên. Bên cạnh lãi suất danh nghĩa ghi trên hợp đồng tín dụng, các doanh nghiệp còn phải trả các khoản phí khác như phí thẩm định hồ sơ, phí công chứng, phí giải ngân... làm cho lãi suất thực có khi lên đến 21-22%. Điều này có nghĩa là, các doanh nghiệp phải sử dụng vốn vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án có khả năng sinh lời tối thiểu khoảng 15 -16%, bằng chi phí nợ vay sau thuế. Song, trong bối cảnh chi phí đầu vào gia tăng, thị trường đầu ra biến động thì việc tìm kiếm các dự án có khả năng sinh lời trên 15% là con số “mơ ước” của không ít doanh nghiệp. Thậm chí, có doanh nghiệp còn chấp nhận đầu tư vào những dự án có khả năng sinh lời thấp hơn cả chi phí vốn chủ sở hữu để duy trì sản xuất còn hơn để dự án đang đầu tư đang dở.

4. Một số đánh giá và khuyến nghị chính sách

Tác động của chính sách tiền tệ đến hoạt động kinh doanh của các NHTM và doanh nghiệp trong thời gian qua đã được minh chứng rằng bất kỳ một chính sách nào của Chính phủ nhằm điều tiết nền kinh tế cũng có những tác dụng phụ bất lợi. Việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm rút bớt tiền trong lưu thông và hạn chế tăng trưởng tín dụng là một liệu pháp đúng. Tuy nhiên, việc định lượng các giải pháp nếu được tính toán một cách có cơ sở khoa học, chính xác hơn sẽ giúp giảm bớt được các tác động bất lợi. Không nên có quan điểm tiêu cực cho rằng cho rằng vì có các tác dụng phụ nên không thể sử dụng các liệu pháp mạnh. Nhưng nếu theo quan điểm chủ quan cho rằng phải chấp nhận các tác dụng phụ để giải quyết mục tiêu trước mắt thì sẽ phải gánh chịu hậu quả sau này. Bài học kinh nghiệm trong điều hành chính sách tiền tệ là cần phải tiên lượng được cả yếu tố định tính và định lượng của các giải pháp chính sách. Các giải pháp chính sách cần dung hoà được lợi ích của các bên liên quan, tránh tình trạng “trăm đầu đổ đầu tằm”. Bên cạnh đó, những nhà quản lý ngân hàng phải linh hoạt, chủ động điều hành một cách khôn khéo để hạn chế tối đa những bất lợi này.

Việc thực hiện kích cầu thông qua gói hỗ trợ lãi suất 4% cho doanh nghiệp là một giải pháp tốt, tuy nhiên nó lại được thực hiện trên quy mô cả nước và có đối tượng rộng nên cần phải tiên liệu được tính hiệu quả và phải có sự điều chỉnh do các yếu tố sau: Thứ nhất, bản chất của kích cầu thông

qua hỗ trợ lãi suất là sử dụng công cụ chính sách tài khoá để thực hiện chính sách tiền tệ. Số tiền dùng để bù 4% lãi suất là từ ngân sách và trong bối cảnh suy thoái kinh tế thì nguồn thu ngân sách lại giảm. Do vậy, nguy cơ bội chi ngân sách là rất lớn. Từ góc độ vĩ mô, chính sách hỗ trợ lãi suất sẽ có thể làm giảm hiệu lực của chính sách tiền tệ vốn đã ít phát huy tác dụng trong thời gian qua. Hơn nữa, vốn đầu tư dễ dãi nếu được sử dụng kém hiệu quả có thể làm lạm phát trở lại, nhất là khi kinh tế VN và thế giới phục hồi trở lại.

Thứ hai, hiện tượng đảo nợ khó tránh khỏi khi mà nhiều doanh nghiệp muốn được vay hỗ trợ lãi suất để trả những khoản vay trước đó với lãi suất cao. Thực tế, hoạt động đảo nợ có thể diễn ra theo nhiều kiểu, nhiều cách và ngân hàng cũng khó kiểm soát được. Do vậy, xét dưới góc độ lợi ích của gói hỗ trợ lãi suất là hỗ trợ các doanh nghiệp thì thay vì cho phép đảo nợ, ngân hàng nên xem xét điều chỉnh lại lãi suất cho các khoản nợ vay trước đây của doanh nghiệp có lãi suất cao hoặc cho phép các khoản nợ cũ của doanh nghiệp thuộc diện được hỗ trợ cũng được hỗ trợ lãi suất. Khoản lãi suất hỗ trợ này sẽ chỉ được hoàn lại khi doanh nghiệp trả được nợ đầy đủ và đúng hạn cho ngân hàng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Thứ ba, biện pháp hỗ trợ lãi suất khó đạt được kết quả mong đợi vì khó khăn về thị trường tiêu thụ là khó khăn phổ biến của các doanh nghiệp. Bất chấp việc hạ và hỗ trợ lãi suất của các NHTM, số lượng doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn rất ít. Vấn đề chính bây giờ không chỉ là lãi suất, mà do thị trường đầu ra cho sản phẩm quyết định khiến các doanh nghiệp e ngại vay vốn. Do vậy, gói hỗ trợ lãi suất rất khó đạt được mục tiêu tạo việc làm, do những người mất việc chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp này sa thải lao động không phải vì vấn đề thiếu vốn mà là thị trường tiêu thụ của họ ở Mỹ, châu Âu và Nhật suy giảm. Do đó, gói hỗ trợ lãi suất cũng cần phải hướng vào những doanh nghiệp mới có phương án kinh doanh khả thi để thu hút số lao động đã mất việc và tạo ra công ăn việc làm mới. Đó cũng sẽ là những doanh nghiệp sẽ hoạt động hiệu quả hơn, được quản lý tốt hơn với những con người năng động hơn nhằm thay thế những doanh nghiệp đã phải bước ra khỏi cuộc chơi không phải chỉ vì áp lực của cuộc khủng hoảng toàn cầu và áp lực của tiến trình hội nhập kinh tế mà còn vì khả năng

quản lý kém cỏi, thiếu thốn nguồn nhân lực.

Thứ tư, gói hỗ trợ lãi suất của chính phủ dường như chỉ chú trọng đến kích cầu sản xuất chứ không phải kích cầu tiêu dùng. Các trường hợp cho vay tiêu dùng, vay đời sống, xây dựng nhà chung cư, nhà ở, đi xuất khẩu lao động... cũng cần phải thuộc đối tượng được hưởng chính sách được hỗ trợ lãi suất. Hơn nữa, do tác động của cuộc khủng hoảng lao động mất việc có xu hướng quay trở về nông thôn nên việc kích cầu việc làm cho khu vực nông thôn là hết sức cần thiết. Chính phủ cần đưa ra các gói hỗ trợ cho các khu vực nông thôn dưới dạng các công trình như trường học, trạm xá, đường xá, hệ thống thủy lợi... tùy theo nhu cầu và đặc điểm của từng vùng.

Quá chú tâm hỗ trợ lãi suất như biện pháp kích cầu vụn vặt mà coi nhẹ các biện pháp khác là sai lầm. Do vậy, bên cạnh các giải pháp thuộc về chính sách tiền tệ, Chính phủ cần triển khai phối hợp chặt chẽ với các chính sách tài chính, chính sách đầu tư và chính sách thương mại như: Thực hiện chương trình xúc tiến thương mại để thúc đẩy xuất khẩu; đẩy mạnh hoàn thiện các dự án và công trình đầu tư xây dựng cơ bản đưa vào sản xuất để gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp; hỗ trợ lao động mất việc làm thông qua kinh phí dự phòng để đào tạo và nâng cao các chương trình hoạt động của Chính phủ; trợ cấp cho người nghèo, người có thu nhập thấp và người thất nghiệp... Thực tế, trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay, VN không thể chỉ trông chờ vào việc tăng trưởng dựa vào phục hồi thị trường ở nước ngoài, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ các chính sách là rất quan trọng để kích thích tiêu dùng và đầu tư trong nước có hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. The Economists Intelligence Unit, *Báo cáo tháng 2 năm 2009 về VN*.
2. Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ
3. Thông tư số 131/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính
4. Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
5. Báo cáo tổng hợp của NHNN – Hà nội năm 2008 và đến tháng 2 năm 2009
6. Báo cáo phân tích ngành ngân hàng, BVSC
7. Viet Capital Securities, *Vietnam Banking System – Reality and forecast*.